

Số: /ĐA-SNNMT

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

ĐỀ ÁN

Thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;
- Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;
- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021;
- Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Quy định mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến;

- Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Công văn số 8107/UBND-KT ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc triển khai, hướng dẫn thực hiện chính sách về thu phí, lệ phí;

- Công văn số 7372/UBND-KT ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc xây dựng Đề án thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường, Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa (trước sắp xếp) đã ban hành các Nghị quyết: số 14/2022/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 về quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; số 15/2022/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 về quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và số 16/2022/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 về quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận (trước sắp xếp) đã ban hành các Nghị quyết: số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (*phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại điều 11 của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND và phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường tại điều 12 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND*) và số 06/2022/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận (*tại khoản 3 điều 1 của Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND*).

Hiện nay, các đơn vị hành chính cấp tỉnh được sắp xếp theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội, tỉnh Khánh Hòa sau sắp xếp gồm tỉnh Khánh Hòa trước đây và tỉnh Ninh Thuận trước đây. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 điều 4 Nghị định 362/2025/NĐ-CP: “*Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này thực hiện được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước. Trường hợp Nghị định này và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về việc quản lý và sử dụng phí thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế*” và theo quy định tại khoản 2 điều 7 Nghị định 362/2025/NĐ-CP: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định đề án thu phí, lệ phí của tổ chức thu phí, lệ phí hoặc xây dựng, thẩm định đề án thu phí, lệ phí đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh*”

và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thu phí, lệ phí”.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 671/QĐ-UBND ủy quyền Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa và Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP về việc cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Tiếp đến, ngày 20 tháng 5 năm 2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định số 1822/QĐ-BNNMT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trên cơ sở đó, ngày 04 tháng 6 năm 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 409/TTr-SNNMT công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Do đó, để phù hợp với tình hình thực tế khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và một số quy định pháp luật được thay thế, sửa đổi, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng **Đề án thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa** làm cơ sở đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là cần thiết.

III. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Tên phí và tổ chức thu phí:

1.1. Tên phí:

Tại khoản 9, 10, 15 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*), danh mục các khoản phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như sau:

“9. *Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).*

10. *Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).*

15. *Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện)."*

Tuy nhiên tại phần II, III phụ lục IX Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

"II. Không thực hiện thủ tục hành chính thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (cấp trung ương và cấp tỉnh) quy định tại Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 2 và khoản 8 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; khoản 15 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Điều 13 và Phụ lục Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Điều 3 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

III. Không thực hiện thủ tục hành chính cấp lại giấy phép môi trường (cấp trung ương và cấp tỉnh) quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Điều 10 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Điều 11 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT."

Như vậy loại phí đề xuất tại Đề án, gồm:

- **Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;**
- **Phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường.**

1.2. Tổ chức thu phí:

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa; trong đó, theo quy định ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường một số thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường tại Điều 1 Quyết định số 671/QĐ-UBND và quy định ủy quyền cho Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa một số thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường tại Điều 2 Quyết định số 671/QĐ-UBND. Ngày 18/5/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trên cơ sở đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ động rà soát, đối chiếu kỹ lưỡng, cập nhật đầy đủ các quy định mới tại Luật số 146/2025/QH15, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT và đã trình Chủ tịch UBND tỉnh dự thảo Quyết định ủy quyền giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định hiện hành tại Tờ trình số 425/TTr-SNNMT ngày 10/6/2026.

Đồng thời căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa và chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa tại Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa) thì tổ chức thu phí được xác định như sau:

a. Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa: Thu phí đối với các dự án đầu tư, cơ sở nằm trong Khu kinh tế và Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa:

b. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa: Thu phí đối với các dự án đầu tư, cơ sở nằm ngoài Khu kinh tế và Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối tượng chịu phí và phương thức nộp phí và nhận kết quả:

2.1. Đối tượng chịu phí:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và thẩm định cấp, cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa; các dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp, phân quyền, ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.2. Miễn thu phí:

Thực hiện theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Quy định mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

2.3. Phương thức nộp phí:

Người nộp phí nộp tiền phí theo một trong các phương thức sau đây sau khi có thông báo của tổ chức thu phí:

- Nộp cho tổ chức thu phí bằng tiền mặt hoặc theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí của tổ chức thu phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

- Nộp cho cơ quan, tổ chức khác với tổ chức thu phí, áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

2.4. Phương thức nhận kết quả:

Nhận và trả kết quả trực tiếp, trực tuyến hoặc thông qua dịch vụ bưu chính.

3. Dự kiến mức thu, căn cứ xây dựng mức thu:

3.1. Căn cứ xây dựng mức thu:

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;
- Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;
- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021;
- Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026.

3.2. Dự kiến mức thu:

3.2.1. Nguyên tắc xác định mức thu

Nguyên tắc xác định mức phí được thực hiện theo quy định tại Điều 8, Luật Phí và Lệ phí: *“Mức thu phí được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân”*.

Tại Điều 4 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định:

“2. Xây dựng mức thu các khoản phí, lệ phí cần đảm bảo:

a) Căn cứ mức thu phí, lệ phí hiện hành (nếu có) để làm cơ sở đề xuất mức thu.

b) Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí. Mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp trực tuyến phù hợp để khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến”.

Trên cơ sở nguyên tắc chỉ đạo, mức thu phí được xác định trong Đề án này đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước về phí và lệ phí;
- Đảm bảo công bằng trong việc nộp phí;
- Được tính đủ để đảm bảo ở mức tối thiểu chi trả cho tất cả các hoạt động

thẩm định: báo cáo đánh giá tác động môi trường và báo cáo đề xuất cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường;

- Đáp ứng được yêu cầu trước mắt và đồng thời phải thích ứng được với sự biến đổi có thể xảy ra trong tương lai;

- Phù hợp với khả năng đóng góp của đối tượng nộp phí;

- Cụ thể và dễ dàng cho việc tính toán, thu phí.

3.2.2. Các chi phí hoạt động thẩm định và thu phí

- Chi phí thuê xe đi khảo sát thực tế dự án/kiểm tra cơ sở phục vụ cho hoạt động thẩm định: báo cáo đánh giá tác động môi trường và báo cáo đề xuất cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường.

- Chi phí tổ chức họp Hội đồng thẩm định/đoàn kiểm tra, bao gồm:

+ Thù lao cho các thành viên tham dự phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định/tham dự Đoàn kiểm tra;

+ Thù lao cho việc nghiên cứu và viết nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra;

- Chi phí tham vấn ý kiến nhà quản lý, chuyên gia đối đối với các báo cáo đã được chủ dự án hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra.

- Chi phí khác phục vụ cho việc tổ chức hoạt động thẩm định và thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc; thuê, mua sắm, sửa chữa tài sản, máy móc, thiết bị và các khoản chi khác.

3.2.3. Mức thu phí

a. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 13a Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT: “1. Cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua các hoạt động sau:

a) Rà soát sự phù hợp của dự án với các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Thành lập hội đồng thẩm định, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Phê duyệt danh sách chuyên gia được lấy ý kiến thẩm định đối với dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

d) Tổ chức khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án theo quy định tại khoản 4 Điều này;

đ) Lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có);

e) Tổ chức phiên họp hội đồng thẩm định hoặc tổ chức lấy ý kiến chuyên gia đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

g) Ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định”.

Theo quy định tại Điều 13b Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được bổ sung tại Điều 5 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT: **“Điều 13b. Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hình thức thành lập hội đồng thẩm định**

1. Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường có trách nhiệm tư vấn cho thủ trưởng cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định; chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định và trước pháp luật về kết quả thẩm định.

2. Cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định ban hành quyết định thành lập hội đồng thẩm định; gửi quyết định thành lập hội đồng kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đến từng thành viên hội đồng. Hội đồng thẩm định có chủ tịch, phó chủ tịch (nếu có), ủy viên thư ký, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác. Chủ tịch, phó chủ tịch (nếu có) hội đồng thẩm định và ủy viên thư ký hội đồng thẩm định phải là công chức của cơ quan thẩm định hoặc công chức của cơ quan chuyên môn thuộc cơ quan thẩm định. Chủ tịch hội đồng (hoặc phó chủ tịch hội đồng được chủ tịch hội đồng ủy quyền trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt), ủy viên thư ký hội đồng có trách nhiệm ký biên bản họp hội đồng thẩm định.

3. Chuyên gia là thành viên hội đồng phải có chuyên môn về môi trường hoặc lĩnh vực khác có liên quan đến dự án đầu tư. Chuyên gia tham gia thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư không được tham gia hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đó.

4. Đại biểu tham gia phiên họp của hội đồng thẩm định do cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định quyết định trong trường hợp cần thiết. Đại biểu tham gia được phát biểu ý kiến trong các phiên họp của hội đồng thẩm định, chịu sự điều hành của người chủ trì phiên họp, được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật.

5. Phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định chỉ được tiến hành khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có sự tham gia tại phiên họp (trực tiếp hoặc trực tuyến) từ 2/3 (hai phần ba) số lượng thành viên hội đồng thẩm định trở lên, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng được ủy quyền (sau đây gọi chung là người chủ trì phiên họp), ủy viên thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện;

b) Có sự tham gia của đại diện có thẩm quyền của chủ dự án đầu tư;

c) Chủ dự án đầu tư đã nộp phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc thảo luận công khai giữa các thành viên hội đồng thẩm định, giữa hội đồng thẩm định với chủ dự án đầu tư theo hình thức tổ chức phiên họp chính thức và các phiên họp chuyên đề do người chủ trì phiên họp quyết định trong trường hợp cần thiết. Thành viên hội đồng là đại diện cơ quan, tổ chức phải có văn bản cử người của cơ quan, tổ chức đó.

Đối với dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thì phải có thành viên là đại diện cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng tham mưu công tác quản lý nhà nước về thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Đối với dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc trách nhiệm quản lý của địa phương thì phải có thành viên là đại diện cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

7. Thành viên hội đồng thẩm định tham gia phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định có trách nhiệm viết bản nhận xét theo quy định tại Mẫu số 06, phiếu thẩm định theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và gửi cho hội đồng tại phiên họp. Thành viên hội đồng thẩm định vắng mặt được gửi bản nhận xét trước phiên họp chính thức của hội đồng và được coi là ý kiến của thành viên tham dự phiên họp chính thức của hội đồng nhưng không viết phiếu thẩm định. Thành viên hội đồng là đại diện cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nhận xét, đánh giá nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư liên quan đến phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức đó.

Đối với dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi, ý kiến của thành viên là đại diện của cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng tham mưu công tác quản lý nhà nước về thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc đại diện cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải nêu rõ việc đồng thuận hay không đồng thuận đối với hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi; trường hợp không đồng thuận, cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định tổ chức lấy ý kiến cơ quan, đơn vị nêu trên về việc đồng thuận hoặc không đồng thuận đối với hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi trước khi phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.

8. Thành viên hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định và trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường; được cung cấp báo cáo đánh giá tác động môi trường ít nhất 03 ngày trước phiên họp của hội đồng thẩm định; được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật.

9. Kết quả thẩm định của hội đồng thẩm định được quy định như sau:

a) Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: tất cả thành viên hội đồng thẩm định tham dự phiên họp có phiếu thẩm định thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung;

b) Không thông qua: có trên 1/3 (một phần ba) số thành viên hội đồng tham dự có phiếu thẩm định không thông qua;

c) Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.”

Theo quy định tại Điều 13c Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được bổ sung tại Điều 6 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT: **“Điều 13c. Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hình thức lấy ý kiến chuyên gia**

1. Cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định ban hành quyết định phê duyệt danh sách chuyên gia lấy ý kiến thẩm định gồm ít nhất 03 chuyên gia theo quy định tại Mẫu số 03a Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Chuyên gia lấy ý kiến thẩm định phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 13b Thông tư này.

2. Chuyên gia được lấy ý kiến thẩm định có trách nhiệm viết bản nhận xét theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này (trong đó nêu rõ 01 trong 03 mức độ: thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua) và gửi cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo đánh giá tác động môi trường. Chuyên gia chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định và trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường; được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật. Chuyên gia được lấy ý kiến thẩm định phải đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 13b Thông tư này.

3. Việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hình thức lấy ý kiến chuyên gia phải đáp ứng điều kiện có từ 2/3 (hai phần ba) số lượng chuyên gia trở lên có bản nhận xét và gửi cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều này. Kết quả thẩm định thông qua hình thức lấy ý kiến được quy định như sau:

a) Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: tất cả các chuyên gia có ý kiến thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung;

b) Không thông qua: có trên 1/3 (một phần ba) số chuyên gia có ý kiến không thông qua;

c) Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.”

Từ các cơ sở trên, việc tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chia làm 02 trường hợp:

Trường hợp 1: Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hình thức thành lập Hội đồng thẩm định.

Theo quy định tại Điều 13b Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được bổ sung tại Điều 5 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT thì thành phần Hội đồng thẩm định gồm 01 Chủ tịch Hội đồng, 01 Phó Chủ tịch Hội đồng, 02 Ủy viên phản biện, 01 Ủy viên thư ký, 07 Ủy viên thuộc các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và 04 đại biểu. Do đó, đề xuất mức thu phí để tổ chức thẩm định với trường hợp này là **14.400.000 đồng/hồ sơ** (chi tiết dự toán chi phí tại Phụ lục I đính kèm).

Trường hợp 2: Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hình thức lấy ý kiến chuyên gia (không thành lập Hội đồng thẩm định).

Theo quy định tại Điều 13c Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được bổ sung tại Điều 6 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT thì hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trong trường hợp này thì cơ quan thẩm định có văn bản gửi lấy ý kiến thẩm định ít nhất 03 chuyên gia. Do đó, đề xuất mức thu phí thẩm định với trường hợp này là **2.800.000 đồng/hồ sơ** (*chi tiết dự toán chi phí tại Phụ lục I đính kèm*).

Như vậy, mức thu được đề xuất như sau:

STT	Nội dung	Mức thu phí (đồng/hồ sơ)
1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hình thức thành lập Hội đồng thẩm định	14.400.000
2	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hình thức lấy ý kiến chuyên gia (không thành lập Hội đồng thẩm định)	2.800.000

b. Phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường:

Theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 18b Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được bổ sung tại Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT:

“c) Việc thẩm định cấp giấy phép môi trường được thực hiện như sau:

Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đồng thời không có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc có thay đổi nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định, cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thành lập hội đồng thẩm định, không tổ chức kiểm tra thực tế.

Đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thành lập hội đồng thẩm định, không tổ chức khảo sát thực tế.

Đối với cơ sở, dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định, cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thành lập đoàn kiểm tra.

Hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra có ít nhất 07 thành viên đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra có ít nhất 05 thành viên đối với trường

hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong đó chủ tịch hội đồng thẩm định (hoặc trưởng đoàn kiểm tra) là đại diện của cơ quan thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn được ủy quyền, giao nhiệm vụ.

Cơ cấu, thành phần của hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra gồm: 01 chủ tịch hội đồng hoặc trưởng đoàn kiểm tra; 01 phó chủ tịch hội đồng hoặc phó trưởng đoàn kiểm tra trong trường hợp cần thiết; 01 thành viên thư ký; đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan; đại diện ban quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao của tỉnh, thành phố (nếu có); các chuyên gia, cán bộ, công chức trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và lĩnh vực hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở.

Thành viên hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, viết bản nhận xét, đánh giá về các nội dung quy định tại Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg) và chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường và trước pháp luật về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình.”

Theo quy định tại khoản 10 Điều 18b Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT bổ sung tại Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT: “10. Đối với dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công được áp dụng theo trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường rút gọn như sau:

a) Chủ dự án đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này sau khi đã hoàn thành công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải, các công trình bảo vệ môi trường;

b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường có văn bản gửi lấy ý kiến thẩm định gồm ít nhất 03 chuyên gia (ưu tiên lấy ý kiến chuyên gia đã tham gia thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường);

c) Chuyên gia được lấy ý kiến thẩm định có trách nhiệm viết bản nhận xét theo Mẫu số 30 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này (trong đó nêu rõ 01 trong 03 mức độ: thông qua không yêu cầu, điều kiện kèm theo; thông qua với yêu cầu, điều kiện kèm theo; không thông qua) và gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Chuyên gia chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường và trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật;

d) Việc thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo hình thức lấy ý kiến chuyên gia phải đáp ứng điều kiện có từ 2/3 (hai phần ba) số lượng chuyên gia trở lên có bản nhận xét và gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường,

người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm c khoản này;

đ) Trường hợp có tối thiểu 2/3 (hai phần ba) số chuyên gia được lấy ý kiến thông qua (bao gồm yêu cầu, điều kiện kèm theo, nếu có), trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến chuyên gia, cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp phép cấp giấy phép môi trường theo quy định.”

Từ các cơ sở trên, thẩm định báo cáo đề xuất cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường được chia làm 03 trường hợp:

Trường hợp 1: Thẩm định báo cáo đề xuất cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường theo hình thức thành lập Đoàn kiểm tra khảo sát, kiểm tra thực tế.

Theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 18b Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT bổ sung tại Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT thì thành phần Đoàn kiểm tra gồm 01 Trưởng đoàn, 01 Phó trưởng đoàn, 01 thành viên thư ký, 09 thành viên thuộc các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan đến dự án đầu tư, cơ sở. Do đó đề xuất mức thu là **13.400.000 đồng/hồ sơ** (chi tiết dự toán chi phí tại Phụ lục II đính kèm).

Trường hợp 2: Thẩm định báo cáo đề xuất cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường theo hình thức thành lập Hội đồng thẩm định không khảo sát thực tế.

Theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 18b Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT bổ sung tại Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT thì thành phần Hội đồng thẩm định gồm: 01 Chủ tịch Hội đồng, 01 Phó Chủ tịch Hội đồng, 01 thành viên thư ký, 09 thành viên thuộc các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan đến dự án đầu tư, cơ sở. Do đó, đề xuất mức thu là **10.000.000 đồng/hồ sơ** (chi tiết dự toán chi phí tại Phụ lục II đính kèm).

Trường hợp 3: Thẩm định thẩm định báo cáo đề xuất cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường theo hình thức lấy ý kiến chuyên gia (không thành lập Hội đồng thẩm định)

Theo quy định tại khoản 10 Điều 18b Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT bổ sung tại Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT thì thẩm định báo cáo đề xuất cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với trường hợp này thì cơ quan thẩm định có văn bản gửi lấy ý kiến thẩm định các chuyên gia, ít nhất 03 chuyên gia. Do đó, mức thu đề xuất là **2.800.000 đồng/hồ sơ** (chi tiết dự toán chi phí tại Phụ lục II đính kèm).

Như vậy, mức thu được đề xuất như sau:

STT	Nội dung	Mức thu phí (đồng/hồ sơ)
1	Thẩm định báo cáo đề xuất cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường theo hình thức thành lập Đoàn kiểm tra có khảo sát, kiểm tra thực tế	13.400.000

2	Thẩm định báo cáo đề xuất cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường theo hình thức thành lập Hội đồng thẩm định không khảo sát thực tế	10.000.000
3	Thẩm định báo cáo đề xuất cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường theo hình thức bằng hình thức lấy ý kiến chuyên gia (không thành lập Hội đồng thẩm định)	2.800.000

3.2.4. Đánh giá mức thu đề xuất

- So sánh mức thu đề xuất theo Đề án và mức thu trung bình phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường của tỉnh Khánh Hòa trước sáp nhập và tỉnh Ninh Thuận trước sáp nhập, cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung	Tỉnh Khánh Hòa trước sáp nhập	Tỉnh Ninh Thuận trước sáp nhập	Đề xuất tại đề án	So sánh mức đề xuất mới so với mức thu 02 tỉnh trước sáp nhập		Lý do tăng/giảm
					Khánh Hòa	Ninh Thuận	
I Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường							
1	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hình thức thành lập Hội đồng thẩm định	15,5 triệu đồng	12,8 triệu đồng	14,4 triệu đồng	-7%	13%	Không thực hiện thu theo nhóm dự án và vốn đầu tư mà dựa trên cơ sở các chi phí phát sinh thực tế liên quan đến công tác thẩm định đề xuất mức thu, do đó mức thu mới thay đổi so với mức cũ;
2	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hình thức lấy ý kiến chuyên gia (không thành lập Hội đồng thẩm định)	-	-	2,8 triệu đồng	-	-	Nội dung này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT nên không có trong Nghị quyết của tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận (trước sáp nhập)

Số TT	Nội dung	Tỉnh Khánh Hòa trước sáp nhập	Tỉnh Ninh Thuận trước sáp nhập	Đề xuất tại đề án	So sánh mức đề xuất mới so với mức thu 02 tỉnh trước sáp nhập		Lý do tăng/giảm
					Khánh Hòa	Ninh Thuận	
II Phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường							
1	Phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường theo hình thức thành lập Đoàn kiểm tra có khảo sát, kiểm tra thực tế	21,85 triệu đồng	14,5 triệu đồng	13,4 triệu đồng	-39%	-8%	Bỏ trích 40% thực hiện cải cách tiền lương (tỉnh Khánh Hòa trước sáp nhập) và bỏ chi phí mời chuyên gia ngoài tỉnh (đối với tỉnh Ninh Thuận trước sáp nhập) nên chi phí tổ chức thẩm định giảm, do đó đề xuất mức thu giảm so với mức thu cũ
2	Phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường theo hình thức thành lập Hội đồng thẩm định	18,45 triệu đồng	15 triệu đồng	10 triệu đồng	-46%	-33%	
3	Phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường theo hình thức lấy ý kiến chuyên gia (không thành lập Hội đồng thẩm định)	-	-	2,8 triệu đồng	-	-	Nội dung này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT nên không có trong Nghị quyết của tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận (trước sáp nhập)

- So sánh mức thu phí đề xuất theo Đề án với Cơ quan Trung ương, các tỉnh, thành phố sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính:

Số TT	Nội dung	Thành phố Hồ Chí Minh	Đồng Nai	Đà Nẵng	Cơ quan trung ương	Mức thu đề xuất tại Đề án
1	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Mức thu thấp nhất: 11 triệu đồng - Mức thu cao nhất: 14,5 triệu đồng	- Mức thu thấp nhất: 5 triệu đồng - Mức thu cao nhất: 26 triệu đồng	- Mức thu thấp nhất: 5 triệu đồng - Mức thu cao nhất: 26 triệu đồng	- Mức thu thấp nhất: 8 triệu đồng - Mức thu cao nhất: 96 triệu đồng	- Mức thu thấp nhất: 2,8 triệu đồng - Mức thu cao nhất: 14,4 triệu đồng.
3	Phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường	- Mức thu thấp nhất: 1,8 triệu đồng - Mức thu cao nhất: 14 triệu đồng	- Mức thu thấp nhất: 7,9 triệu đồng - Mức thu cao nhất: 14,6 triệu đồng	- Mức thu thấp nhất: 9 triệu đồng - Mức thu cao nhất: 14,6 triệu đồng	- Mức thu thấp nhất: 40 triệu đồng - Mức thu cao nhất: 70 triệu đồng	- Mức thu thấp nhất: 2,8 triệu đồng - Mức thu cao nhất: 13,4 triệu đồng

Ghi chú: Cơ quan Trung ương (*Thông tư số 38/2023/TT-BTC ngày 08/6/2023, Thông tư số 02/2022/TT-BTC ngày 11/01/2022, Thông tư số 07/2023/TT-BTC ngày 02/02/2023*), Thành phố Hồ Chí Minh (*Nghị quyết số 95/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 và Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025*), tỉnh Đồng Nai (*Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 và Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025*), thành phố Đà Nẵng (*Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 và Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025*).

Tham khảo tình hình thực tế hiện nay các tỉnh/thành phố nêu trên và cơ quan trung ương đang xây dựng mức thu phí theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Riêng thành phố Đà Nẵng kế thừa mức thu phí theo Nghị quyết của thành phố Đà Nẵng trước sáp nhập.

Ngày 29/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 48/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; ngày 29/01/2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, do đó các hình thức thẩm định có thay đổi.

Do đó, qua so sánh thì việc đề xuất mức thu phí tại Đề án này là phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, các quy định hiện hành, cơ bản đủ bù đắp toàn bộ chi phí hoạt động thẩm định và phù hợp với đối tượng nộp phí.

4. Dự toán thu, chi, quản lý và sử dụng

4.1. Tình hình thu, chi:

4.1.1. Đối với tỉnh Khánh Hòa trước sáp nhập

- Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được thực hiện theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa), số phí thu được (*tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2025*): Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa: 411.600.000 đồng và Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa: 132.500.000 đồng. Số phí thu được bù đắp toàn bộ chi phí phục vụ cho công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường thực hiện theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, số phí thu được (*tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2025*): Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa: 2.070.350.000 đồng và Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa: 347.650.000 đồng và số phí thu được bù đắp toàn bộ chi phí phục vụ cho công tác thẩm định báo cáo đề xuất cấp, điều chỉnh Giấy phép môi trường.

4.1.2. Đối với tỉnh Ninh Thuận trước sáp nhập

- Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Ninh Thuận thu được (*tính từ ngày 10/01/2022 đến ngày 30/6/2025*) là 840.500.000 đồng và nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.

- Phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường thực hiện theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Ninh Thuận thu được (*tính từ ngày 01/8/2022 đến ngày 30/6/2025*): 650.500.000 đồng và nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động do ngân sách nhà

nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.

4.2. Quản lý và sử dụng

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP: “1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này thực hiện được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước. Trường hợp Nghị định này và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về việc quản lý và sử dụng phí thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế”).

Do đó, tổ chức thu phí là cơ quan Nhà nước nộp toàn bộ số phí thu được vào ngân sách nhà nước.

4.3. Nguồn kinh phí

Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thẩm định và thu phí do ngân sách Nhà nước bố trí trong dự toán hàng năm của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật, bao gồm các trường hợp thu phí 0 đồng tại khoản 4 và khoản 10 Điều 2 Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND.

4.4. Kế khai, thu, nộp phí và quyết toán phí

- Tổ chức thu phí thực hiện khai, nộp phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

- Hằng năm, tổ chức thu phí thực hiện quyết toán số tiền phí thu được theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

- Tổ chức thu phí thực hiện lập và cấp chứng từ thu phí cho người nộp phí theo quy định của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ và thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

5. Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phí, hiệu quả thu phí:

Nguyên tắc xác định mức thu quy định tại Điều 8, Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015 là “đảm bảo bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân”. Trên cơ sở đó, mức thu phí được xác định trong Đề án này đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước về phí, lệ phí;
- Đảm bảo công bằng trong nộp phí, lệ phí;
- Được tính đủ để đảm bảo ở mức tối thiểu chi trả cho tất cả các hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và báo cáo đề xuất cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường của cơ quan thu phí;
- Đáp ứng được yêu cầu trước mắt và đồng thời phải thích ứng được với sự biến đổi có thể xảy ra trong tương lai;
- Phù hợp với khả năng đóng góp của đối tượng nộp phí.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nội dung Đề án đã tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, địa phương để hoàn thiện, làm cơ sở xây dựng hồ sơ Nghị quyết quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi HĐND tỉnh Khánh Hòa thông qua Nghị quyết quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; đồng thời các quy định của HĐND tỉnh Khánh Hòa trước sáp nhập, HĐND tỉnh Ninh Thuận trước sáp nhập dưới đây hết hiệu lực:

- Điều 11 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020, Điều 24 của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND được bổ sung tại Điều 1 Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Ninh Thuận trước sáp nhập.

- Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 và Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa trước sáp nhập.

Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện cụ thể. Định kỳ hằng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa - Cơ quan thu phí có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện, phản ánh khó khăn, vướng mắc tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét điều chỉnh khi cần thiết.

Trên đây là Đề án thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- BQLKKT&KCN tỉnh;
- Lưu: VT, VP, P.KHTC, CCKSBVMT (3b).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Quang

PHỤ LỤC

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Phụ lục I. Dự toán chi tiết mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Trường hợp 1: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hình thức thành lập Hội đồng thẩm định

Mức thu phí thẩm định đối với trường hợp này là **14.400.000 đồng/hồ sơ**, cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Khảo sát thực tế				3.000.000	
	Thuê phương tiện đi lại	Chuyến /ngày	1	3.000.000	3.000.000	Theo thực tế
2	Họp thẩm định				8.900.000	
	Chủ tịch Hội đồng	Người	1	700.000	700.000	Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND
	Phó Chủ tịch Hội đồng	Người	1	600.000	600.000	
	Ủy viên, thư ký hội đồng	Người	10	300.000	3.000.000	
	Đại biểu	Người	4	150.000	600.000	
	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	2	500.000	1.000.000	
	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng	Bài viết	10	300.000	3.000.000	
3	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng	Bài viết	3	400.000	1.200.000	
4	Chi khác	Hồ sơ			1.300.000	Theo thực tế đã chi năm trước và trượt giá 3% so với cùng kỳ năm ngoái và nội dung chi theo quy định Nghị định số

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
						362/2025/NĐ-CP
	Tổng cộng (1+2+3+4)				14.400.000	

2. Trường hợp 2: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hình thức lấy ý kiến chuyên gia (không thành lập Hội đồng thẩm định)

Mức thu phí thẩm định đối với trường hợp này là **2.800.000 đồng/hồ sơ**, cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lấy ý kiến chuyên gia	Bài viết	5	500.000	2.500.000	Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND
2	Chi khác	Hồ sơ			300.000	Theo thực tế đã chi năm trước và trượt giá 3% so với cùng kỳ năm ngoái và nội dung chi theo quy định Nghị định số 362/2025/NĐ-CP
	Tổng cộng (1+2)				2.800.000	

Phụ lục II. Dự toán chi tiết mức thu phí thẩm định cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường

1. Trường hợp 1. Thẩm định báo cáo đề xuất cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường theo hình thức thành lập Đoàn kiểm tra có khảo sát, kiểm tra thực tế.

Theo quy định tại khoản 9 Điều 18 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT: “Thành viên hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp giấy phép môi trường và trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đối với hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy phép môi trường và nội dung, công việc được người chủ trì phân công trong quá trình thẩm định, kiểm tra. Thành viên hội đồng thẩm định được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật; thành viên đoàn kiểm tra được hưởng thù lao như thành viên hội đồng thẩm định.” Do đó mức chi của các thành viên Đoàn kiểm tra được xây dựng theo mức chi của Hội đồng thẩm định theo khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 14/5/2026. Mức thu phí thẩm định đối với trường hợp này là **13.400.000 đồng/hồ sơ**, cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Khảo sát thực tế				3.000.000	
	Thuê phương tiện đi lại	Chuyến /ngày	1	3.000.000	3.000.000	Theo thực tế
2	Họp thẩm định				7.900.000	
	Chủ tịch Hội đồng	Người	1	700.000	700.000	Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND
	Phó Chủ tịch Hội đồng	Người	1	600.000	600.000	
	Ủy viên, thư ký hội đồng	Người	10	300.000	3.000.000	
	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng	Bài viết	12	300.000	3.600.000	
3	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng	Bài viết	3	400.000	1.200.000	
4	Chi khác	Hồ sơ			1.300.000	Theo thực tế đã chi năm trước và trượt giá 3% so với cùng kỳ năm ngoái; nội dung chi theo quy định Nghị định số 362/2025/NĐ-CP
Tổng cộng (1+2+3+4)					13.400.000	

2. Trường hợp 2: Thẩm định báo cáo đề xuất cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường theo hình thức thành lập Hội đồng thẩm định, không khảo sát thực tế

Mức thu phí thẩm định đối với trường hợp này là **10.000.000 đồng/hồ sơ**, cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Họp thẩm định				7.900.000	
	Chủ tịch Hội đồng	Người	1	700.000	700.000	Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND
	Phó Chủ tịch Hội đồng	Người	1	600.000	600.000	
	Ủy viên, thư ký hội đồng	Người	10	300.000	3.000.000	
	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng	Bài viết	12	300.000	3.600.000	

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng	Bài viết	3	400.000	1.200.000	
3	Chi khác	Hồ sơ			900.000	Theo thực tế đã chi năm trước và trượt giá 3% so với cùng kỳ năm ngoái; nội dung chi theo quy định Nghị định số 362/2025/NĐ-CP
Tổng cộng (1+2+3)					10.000.000	

3. Trường hợp 3: Thẩm định báo cáo đề xuất cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường theo hình thức lấy ý kiến chuyên gia (không thành lập Hội đồng thẩm định).

Mức thu phí thẩm định đối với trường hợp này là **2.800.000 đồng/hồ sơ**, cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lấy ý kiến chuyên gia	Bài viết	5	500.000	2.500.000	Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND
2	Chi khác	Hồ sơ			300.000	Theo thực tế đã chi năm trước và trượt giá 3% so với cùng kỳ năm ngoái; nội dung chi theo quy định Nghị định số 362/2025/NĐ-CP
Tổng cộng (1+2)					2.800.000	